TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hiền;
2. Bà Nguyễn Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm: 1980;
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H trình bày*:

Bà H và ông V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hôn nhân hòa thuận được một thời gian ngắn thì thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Vĩnh t nhậu say và đánh bài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay hai vợ chồng

không còn sống chung. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Vũ Anh T, sinh ngày 26/9/2002; Lê Vũ Hoàng P, sinh ngày: 23/02/2005 và Lê Vũ Hoàng P1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện hai cháu T và P đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P1 thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP B (qua Phòng giao dịch huyện L) số tiền 300.000.000 đồng. Khi ly hôn bà H yêu cầu tự trả số nợ này.

** Theo bản tự khai ông Lê Văn V trình bày:* ông V và bà Hòa kết h với nhau trên cơ sở tự nguyện năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là hai vợ chồng thường xuyên trục trặc, hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông V xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Vũ Anh T, sinh ngày 26/9/2002; Lê Vũ Hoàng P, sinh ngày: 23/02/2005 và Lê Vũ Hoàng P1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện hai cháu T và P đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P1 đang ở với bố thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông V xác định vợ chồng tự giải quyết.

- Về nợ chung: Ông V xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP B. Khi ly hôn bà H tự trả số nợ này và không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản ngày 17/7/2023 của Chi nhánh Ngân hàng TMCP B tại Lâm Đồng trả lời công văn của Tòa án thì:* Theo hợp đồng tín dụng số HDTD96C2023030, bà Vũ Thị H có vay của Ngân hàng 300.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP B không yêu cầu Tòa án huyện Đ giải quyết khoản vay này trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện và yêu cầu trong một vụ án khác.

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông V vắng mặt và bà H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa về cơ bản đã

theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì, tuy nhiên biên bản xác minh chưa ghi ngày tháng và bản tự khai của bị đơn chưa được bị đơn ký. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã cơ bản chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Lê Văn V; Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Hoàng P1, sinh ngày 23/02/2007 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị H với ông Lê Văn V là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 73/2019/TLKH-BS ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ thì quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị H với ông Lê Văn V là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V có mặt 01 lần sau đó vắng mặt, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị H:

[4.1] Bà Vũ Thị H trình bày trong quá trình chung sống thì cuộc sống hôn nhân hòa thuận được một thời gian ngắn thì thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Vĩnh t nhậu say và đánh bài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Ông V cũng cho rằng cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn sống chung và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H.

[4.2] Tòa án nhân dân huyện Đam Rông xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng bà H, ông V quá trình chung sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn,

trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Vĩnh c có mặt một lần còn lại đều vắng mặt, thể hiện ông V không có thiện chí cũng như mong muốn đoàn tụ gia đình với bà H.

[4.3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Vũ Thị H và ông Lê Văn V là trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[5] Về con chung: Bà H, ông V có 03 con chung là Lê Vũ Anh T, sinh ngày 26/9/2002; Lê Vũ Hoàng P, sinh ngày: 23/02/2005 và Lê Vũ Hoàng P1, sinh ngày 23/02/2007. Hiện hai cháu T và P đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P1 thì bà H và ông V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Theo bản tự khai ghi ý kiến của cháu P1 thì cháu mong muốn khi thì ở với bố, khi thì ở với mẹ. Tại phiên tòa, bà H cho rằng ban ngày cháu P1 ở với bố, ban đêm về ở với mẹ, bà đồng ý để ông V trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật, do vậy cần giao cháu P1 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Đối với việc cấp dưỡng, các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà H, ông V đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung: Hiện bà Vũ Thị H, ông Lê Văn V có vay có nợ Ngân hàng TMCP B (qua Phòng giao dịch huyện L) số tiền 300.000.000 đồng. Khi ly hôn ông V, bà H đều yêu cầu bà H trả số nợ này, tuy nhiên đại diện Ngân hàng TMCP B không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đam Rông giải quyết khoản vay này trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện và yêu cầu trong một vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và các điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Lê Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Vũ Hoàng P1, sinh ngày 23/02/2007 cho ông Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010247 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Rô Men, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hải Dương